

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hưng;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn, traA1 chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị V, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà V có mặt. Bị đơn ông K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 14/4/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Ngô Thị V) trình bày:*

Bà Ngô Thị V và ông Đặng Văn K chung sống với nhau vào năm 2009,

hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/11/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã không còn sống chung từ khoảng tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, bà V làm đơn yêu cầu ly hôn với ông K.

Quá trình chung sống bà V, ông K có hai con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011, Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng/tháng) cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 30/6/2020, bà V có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện bà V yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011 và giao con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà V không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Đặng Văn K:*

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông K.

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V, ông K đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương bà V, ông K có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không biết. Vì bà V, ông K không báo chính quyền địa phương. Tuy nhiên, bà V, ông K không còn chung sống với nhau tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương từ khoảng tháng 04/2020 cho đến nay.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung, giao con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung đối với bị đơn, kết quả xác minh xác định bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 14/4/2020, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011, Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng/tháng) cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 30/6/2020, nguyên đơn có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011 và giao con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/11/2009. Hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, xác định quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm, chăm sóc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 4 năm 2020 cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng thường xuyên không sinh sống tại địa phương. Nguyên đơn, bị đơn đã sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay. Bị đơn có tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy bị đơn đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn, bị đơn có hai con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011; Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014. Hiện nay con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011, nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014, bị đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, nguyên đơn đồng ý giao con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011 do cháu bị bệnh (có giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương) nên Tòa án không lấy ý kiến của cháu Đặng Tuấn A1 được. Hiện nay, nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Tuấn A1 nên Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Tuấn A1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Đặng Phúc H, sinh này 15/02/2014, bị đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, nguyên đơn tự nguyện giao con chung tên Đặng Phúc H cho bị đơn nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị V đối với bị đơn ông Đặng Văn K về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ngô Thị V ly hôn với ông Đặng Văn K.

1.2. *Về con chung:* Giao con chung tên Đặng Tuấn A1, sinh ngày 17/4/2011 cho bà Ngô Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Đặng Phúc H, sinh ngày 15/02/2014 cho ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ngô Thị V và ông Đặng Văn K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà V, ông K không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị V nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0032675 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30/9/2020).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

